

UBND TỈNH HOÀ BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 2381/SGD&ĐT-GDTrH
V/v báo cáo thống kê số liệu GDTrH
học kỳ I, năm học 2017-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoà Bình, ngày 29 tháng 11 năm 2017

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố;
- Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh;
- Trung tâm GDNN- GDTX các huyện;
- Trung tâm GDNN các huyện: Kỳ Sơn, Lạc Sơn, Tân Lạc.

Thực hiện Công văn số công văn số 5131/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2017 về việc hướng dẫn thực hiện kế hoạch giáo dục và sơ kết học kỳ I năm học 2017-2018, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị báo cáo số liệu học kỳ I năm học 2017 - 2018 đối với GDTX, như sau:

- Đối với Phòng GD&ĐT: Báo cáo Mục 2 – Bổ túc THCS; Mục 3.1, phần a - Bổ túc THCS, Mục 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7 theo phụ lục đính kèm.

- Đối với các Trung tâm: Báo cáo Mục 2 – Bổ túc THPT; Mục 3.1, phần b - Bổ túc THPT, Mục 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7 theo phụ lục đính kèm.

Các đơn vị gửi báo cáo số liệu về Sở GD&ĐT (phòng GDTX&GDCN) và gửi theo đường thư điện tử (p.gdtx@hoabinh.edu.vn) trước ngày **30/11/2017**.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị báo cáo theo các nội dung nêu trên./. *gt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Website ngành;
- Lưu VT, GDTX&GDCN, HK(5).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đặng Quang Ngân

Biểu số 1 - GDTX
Ban hành theo Quyết định
số: 5363/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2013
của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ I: 2017 - 2018

(Thời hạn nộp trước ngày 12 tháng 12 năm 2017)

Đơn vị báo cáo: Sở GD&ĐT Hòa Bình

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ GD&ĐT

Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Trong tổng số	
			Nữ	Dân tộc Tổng số dân tộc
1. Tổng số trung tâm	trung tâm		x	x
1.1 Trung tâm GDTX tỉnh	"		x	x
1.2 Trung tâm GDTX quận, huyện	"		x	x
Chia ra: - TT GDTX	"		x	x
- TT GDTX - GDTX (sáp nhập theo TTLT số 39/2015)	"		x	x
- TT GDTX (bao gồm các mô hình khác)	"		x	x
1.3 Trung tâm học tập cộng đồng	"		x	x
Trong đó: - Số TTHTCĐ sáp nhập với nhà văn hóa xã, bưu điện xã	"		x	x
1.4 Trung tâm ngoại ngữ - tin học (NN - TH)	"		x	x
Trong đó: - TT NN - TH (công lập)	"		x	x
- TT NN - TH (ngoài công lập)	"		x	x
- TT NN có vốn đầu tư nước ngoài theo Nghị định 73/2012/NĐ-CP	"		x	x
1.5 Cơ sở ngoại ngữ, tin học	cơ sở		x	x
1.6 Trường Bổ túc văn hóa	trường		x	x
2. Lớp học văn hóa				
- Bổ túc THCS	lớp		x	x
- Bổ túc THPT	"		x	x
Chia ra: - Lớp 10	"		x	x
- Lớp 11	"		x	x
- Lớp 12	"		x	x
3. Học viên				
3.1 Học viên học văn hóa (tổng số)	người			
a. Bổ túc THCS	"			
Chia ra: - Lớp 6	"			
Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập THCS	"			
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên	"			
- Lớp 7	"			
Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập THCS	"			
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên	"			
- Lớp 8	"			
Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập THCS	"			
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên	"			
- Lớp 9	"			
Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập THCS	"			
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên	"			
b. Bổ túc THPT				
Chia ra: - Lớp 10				
+ Học viên trong độ tuổi phổ thông				
Trong đó: HV học VH kết hợp với học nghề, TCCN				
+ Người lao động				
Trong đó: Công nhân				



Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Trong tổng số	
			Nữ	Dân tộc
				Tổng số dân tộc
LD nông thôn				
+ Cán bộ công chức cấp xã				
- Lớp 11				
+ Học viên trong độ tuổi phổ thông				
Trong đó: HV học VH kết hợp với học nghề, TCCN				
+ Người lao động				
Trong đó: Công nhân				
LD nông thôn				
+ Cán bộ công chức cấp xã				
- Lớp 12				
+ Học viên trong độ tuổi phổ thông				
Trong đó: HV học VH kết hợp với học nghề, TCCN				
+ Người lao động				
Trong đó: Công nhân				
LD nông thôn				
+ Cán bộ công chức cấp xã				
3.2 Học viên học xóa mù chữ và GDTTSKBC				
Chia ra: - Xóa mù chữ				
Trong đó: + 15 - 25 tuổi				
+ 26 - 35 tuổi				
+ 36 - 60 tuổi				
- Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ				
Trong đó: + 15 - 25 tuổi				
+ 26 - 35 tuổi				
+ 36 - 60 tuổi				
3.3 Số học viên học các lớp chuyên đề				
Trong đó: Số lượt học viên học tại các TTHTCĐ				
Số học viên học tại các TT GDTX và TTGDNN - GDTX				
3.4 Số học viên học tin học			x	x
3.5 Số học viên học ngoại ngữ			x	x
3.6 Số học viên học nghề ngắn hạn (dưới 6 tháng)			x	x
3.7 Số học viên học hướng nghiệp, học nghề phổ thông			x	x
- Trung học cơ sở			x	x
- Trung học phổ thông			x	x
3.8 Số TTGDTX tổ chức BDXT cho đội ngũ GV MN, PT theo Thông tư số 26/2012/TT-BGDĐT	trung tâm			
4. Dân số và người mù chữ				
Dân số trong độ tuổi				
Trong đó: + 15 - 25 tuổi				
+ 26 - 35 tuổi				
+ 36 - 60 tuổi				
Người mù chữ trong độ tuổi				
Trong đó: + 15 - 25 tuổi				
+ 26 - 35 tuổi				
+ 36 - 60 tuổi				

